

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Nguyên lý kế toán

Ngành đào tạo: Đại học chính quy CNTT

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: Nguyên lý Kế toán

Tiếng Việt: **Nguyên lý Kế toán**

Tiếng Anh: **Accounting Theory**

Mã học phần: DKT.01.20

Số tín chỉ: 03

Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: (số lượng tiết)

- + Lý thuyết và thực hành: 27 tiết
- + Bài tập lớn, thảo luận, kiểm tra: 30 tiết
- + Kiểm tra: 3 tiết.

Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán – Khoa Kế toán Kiểm toán.

Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

- Tên: Quách Thị Thu Hằng

- Chức danh: Giảng viên

- Thông tin liên hệ: 035 755 2228. Mail: quachhang177@gmail.com

2. Các môn học tiên quyết: Lý thuyết tài chính tiền tệ (DQFI0051)

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Trang bị cho người học nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán. Môn học giúp người học thuộc khối kinh tế đạt hiểu biết chung về hệ thống kế toán, quy trình hoạt động kế toán. Từ đó, người học có thể phối hợp hoạt động trên hệ thống thông tin của doanh nghiệp, đồng thời nhận định tình hình tài chính, kinh doanh của tổ chức thông qua một số tỷ số kế toán cơ bản...

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức: Trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán, giúp người học tiếp tục học tập, nghiên cứu về kế toán chuyên ngành.

+ Người học nắm được bản chất chức năng và đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ của kế toán.

+ Người học nắm vững hệ thống các phương pháp kế toán, từ đó vận dụng vào nghiệp vụ kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu để ghi sổ sách kế toán.

Về kỹ năng:

- + Hình thành và phát triển năng lực thu nhận, xử lý, hệ thống hóa, lập báo cáo và phân tích khái quát hoạt động kinh tế tài chính của một đơn vị.
- + Thực hiện được định khoản và ghi chép vào tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- + Ghi được các nghiệp vụ phát sinh vào sổ kế toán theo các hình thức kế toán phù hợp.

Về thái độ: Người học hình thành, nhận thức rõ nguyên tắc kế toán, có thái độ học tập nghiêm túc và đọc tài liệu liên quan đến môn học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên:

CLO 01: Có khả năng **nhớ** được các nội dung cơ bản, lý luận nền tảng về khoa học kế toán.

CLO 02: Có khả năng **hiểu** được, tiếp nhận được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán, hệ thống các phương pháp kế toán, quy trình lập, mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán; hệ thống pháp lý kế toán và tổ chức công tác kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.

CLO 03: Có khả năng **vận dụng** được các phương pháp kế toán để hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh thương mại và các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh cơ bản trong doanh nghiệp.

CLO 04: Có khả năng **phân tích** được mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán trên báo cáo tài chính, mối liên hệ giữa các phương pháp kế toán với quy trình kế toán và sự khác nhau trong hệ thống các hình thức kế toán tại các doanh nghiệp.

CLO 05: Có khả năng **đánh giá** được, liên kết được kiến thức qua các chương, liên kết các phần học để trở thành 1 khối kiến thức thống nhất phục vụ mục đích chung ban đầu.

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
CLO 1					H				
CLO 2						M			
CLO 3							L		
CLO 4								L	
CLO5									
TỔNG HỢP					H	M	L	L	L

TOÀN BỘ HỌC PHẦN									
-----------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Hình thức đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Chuyên cần (tham gia đủ tối thiểu 80% số buổi trên lớp)	H	H				
Hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của gv)		H	H	M		
Hoạt động cá nhân tại nhà (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)			M	M	L	L
Hoạt động nhóm (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp)	H	H			M	L
Thực hành (tập diễn tình huống, thực tập)	H	H			H	H
Kiểm tra giữa kỳ	H			M	L	L
Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)	H	H	H	M	L	L

4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Dạy học nhóm	H	H	M	H	L	M
Nghiên cứu tình		M	H	H	H	H

huống điển hình (Case study)						
Trò chơi (Gamification)	H	H				
Dạy học theo dự án (Project-based learning)		H			M	M
Nêu và giải quyết vấn đề		M	H	H	L	L
Sử dụng công nghệ trong dạy học (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng)	H					

4.5. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Chú thích: I: Introduction/ Giới thiệu

P: Proficient/ Thuần thục, đủ

A: Advanced/ Nâng cao

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
Bài 1.		I	I	P		I
Bài 2.		A	P	I	P	
Bài 3.	P	P	A		P	P
Bài 4.	A			I	A	A
Bài 5.	I	I		A	I	I
v.v....						

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia ba bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Học liệu:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình : Nguyên lý kế toán - Học viện tài chính, NXB Tài chính 2014.

- Sách bài tập: Nguyên lý kế toán 2014 – HVTC.
- Slides bài giảng của giảng viên; Bài tập vận dụng của giảng viên.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Hệ thống kế toán doanh nghiệp – NXB Tài chính năm 2008 (2 tập)
- Các văn bản pháp quy về kế toán: Luật kế toán 2003, Chuẩn mực kế toán.
- Các tài liệu tham khảo liên quan đến kế toán: Kế toán đại cương, Lý thuyết hạch toán kế toán, Nguyên lý kế toán của các trường đại học, các tác giả trong và ngoài nước xuất bản từ trước đến nay; các văn bản pháp quy về kế toán nhà nước đã ban hành từ trước đến nay; chế độ ghi chép ban đầu, chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, chế độ báo cáo kế toán, chế độ sổ kế toán, chuẩn mực kế toán quốc tế ...

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Môn học Nguyên lý Kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học kế toán như bản chất của kế toán, đối tượng, hệ thống các phương pháp kế toán, đồng thời cùng nghiên cứu những nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc chung của kế toán, vị trí của kế toán trong hệ thống quản lý, việc vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học kế toán trong 1 loại hình đơn vị cụ thể - doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

8. Kế hoạch giảng dạy trên lớp:

Giảng 70% số tiết trên lớp (tương ứng $60 \times 70\% = 42$ tiết), 30% số tiết còn lại sinh viên tự nghiên cứu ở nhà (18 tiết).

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết (Lý thuyết, Thảo luận, Thực hành)	Nhiệm vụ của sinh viên
Tuần 1	Bài 1	Chương 1. Tổng quan chung về kế toán Mục 1.1 – Sự hình thành và phát triển của kế toán Mục 1.2 – Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của kế toán	2 Lý thuyết 1 Thảo luận	+ Tra cứu, đọc trước tài liệu + Chuẩn bị thảo luận nội dung sau: phân tích quá trình hình thành của kế toán.
	Bài 2	Chương 1. Mục 1.3 – Đối tượng sử dụng thông tin kế toán Mục 1.4 và mục 1.5 (giảng khái quát)	2 lý thuyết 1 thực hành	+ Tra cứu, đọc trước tài liệu + Vận dụng kiến thức làm bài tập minh họa và câu hỏi chương 1 (giáo trình)

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết (Lý thuyết, Thảo luận, Thực hành)	Nhiệm vụ của sinh viên
				tr46)
Tuần 2	Bài 1	Chương 2: Các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính. Mục 2.1 (giảng khái quát) Mục 2.2- Các yếu tố của BCTC	3 lý thuyết	+ Đọc trước tài liệu + Nghiên cứu 1 số tài liệu tham khảo
	Bài 2	Chương 2. Mục 2.3 - Ảnh hưởng của các nghiệp vụ KTTTC đến các yếu tố của BCTC	1 lý thuyết 2 thực hành	+ Đọc trước tài liệu + Vận dụng kiến thức đã học tham gia làm bài tập thực hành ngay tại lớp. Gồm bài tập vận dụng giảng viên đưa ra và bài tập trong SBT.
Tuần 3	Bài 1	Chương 3. Các phương pháp kế toán Mục 3.1. Hệ thống các phương pháp kế toán Mục 3.2. Phương pháp chứng từ kế toán Mục 3.3. Phương pháp tính giá	3 lý thuyết	+ Đọc trước tài liệu + Tự nghiên cứu trước về các phương pháp kế toán hiện hành + Vận dụng phương pháp tính giá để làm các ví dụ minh họa thực tế
	Bài 2	Chương 3. Mục 3.4 – Phương pháp tài khoản kế toán	2 lý thuyết 1 thực hành	+ Đọc trước tài liệu + Nắm được kiến thức cơ bản về các tài khoản kế toán, cách mở, cách ghi chép trên các TKKT + Vận dụng làm bài tập
Tuần 4	Bài 3	Chương 3. Mục 3.5 – Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán	2 lý thuyết 1 thực hành	+ Đọc trước tài liệu + Sưu tầm 1 số các BCTC (Bảng CĐKT và BC KQHĐ) của 1 số DN hiện nay + Có kiến thức cơ bản về BCTC và cách lập BCTC (cụ thể là BCĐKT và BCKQHĐ)

Tuần/Bài		Nội dung giảng dạy	Số tiết (Lý thuyết, Thảo luận, Thực hành)	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 4	Chương 3. Mục 3.6 – Vận dụng hệ thống các PPKT để hạch toán kế toán các quá trình SXKD	1 lý thuyết 2 thực hành	+ Đọc trước tài liệu + Vận dụng kiến thức đã học làm bài tập vận dụng trong SBT và bài tập giảng viên đưa ra.
	Bài 5	Kiểm tra giữa kỳ	1 kiểm tra	+ Ôn tập để làm bài kiểm tra giữa kỳ.
	Bài 6	Chữa bài tập	2 thực hành	+Làm các BT được giao về nhà và tiến hành chữa bài tại lớp.
Tuần 5	Bài 1	Chương 4. Sổ kế toán và hình thức kế toán. Mục 4.1 Sổ kế toán	2 lý thuyết 1 thảo luận	+ Đọc trước tài liệu + Suu tầm 1 số mẫu sổ trong thực tế + Chuẩn bị thảo luận về nội dung: Cách ghi chép và quy trình mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, chữa sổ.
	Bài 2	Chương 4. Mục 4.2 – Hình thức kế toán	3 lý thuyết	+ Đọc trước tài liệu + Nắm được kiến thức về đặc điểm, trình tự ghi sổ tại các DN áp dụng những hình thức kế toán khác nhau.
	Bài 3	Chữa bài tập	2 thực hành	+ Làm các BT được giao về nhà và tiến hành chữa bài tại lớp.
	Bài 4	Kiểm tra giữa kỳ	1 kiểm tra	
Tuần 6	Bài 1	Chương 5. Hệ thống pháp lý kế toán Mục 5.1 ; 5.2 ; 5.3 ; 5.4 (giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu)	2 lý thuyết 1 thảo luận	+ Đọc trước tài liệu + Chuẩn bị nội dung thảo luận : tại sao cần phải thiết lập hệ thống pháp lý kế toán của 1 quốc gia.
Tuần 7	Bài 1	Chương 6. Tổ chức công tác kế toán Mục 6.1 ; 6.2 ; 6.3	2 lý thuyết 1 thảo luận	+ Đọc trước tài liệu + Chuẩn bị nội dung thảo luận: Các công

Tuần/Bài	Nội dung giảng dạy	Số tiết (Lý thuyết, Thảo luận, Thực hành)	Nhiệm vụ của sinh viên
	(giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu)		việc chủ yếu mà bộ phận/phòng kế toán và các nhân viên kế toán đơn vị cần phải tổ chức và thực hiện.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường: Các phòng học do phòng QLĐT sắp xếp theo lịch học.
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): Bảng , phấn, máy chiếu, mic.

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

10.1. *Kiểm tra – đánh giá thường xuyên*: trên lớp kiểm tra bài cũ, gọi sinh viên trả lời câu hỏi, làm bài tập vận dụng.

10.2. *Kiểm tra - đánh giá định kỳ* : làm bài kiểm tra tự luận viết tay theo đề của giảng viên đưa ra.

Hình thức đánh giá	Phần trăm	Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng
01. Làm bài tập nhỏ, câu hỏi thảo luận, bài tập vận dụng trên lớp	20%	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên nghiên cứu kỹ các mục tiêu cần đạt. • Đọc phần tài liệu được yêu cầu và ghi chép lại những ý chính của phần đó, trả lời các câu hỏi và ví dụ minh họa/bài tập vận dụng ngay tại lớp. • Chuẩn bị một bài thuyết trình (10 minutes) trên powerpoint về nội dung thảo luận theo nhóm / cá nhân và ít nhất 2 câu hỏi phản biện đối với các nhóm/cá nhân khác. <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích sinh viên chủ động nghiên cứu tài liệu và vận dụng kiến thức vào các trường hợp thực tiễn. • Tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện khả năng trình bày trước đám đông. <p>Minh chứng:</p> <p>Sinh viên sẽ được đánh giá dựa trên (1) khả năng vận dụng kiến thức trả lời các tình huống, ví dụ</p>

		minh họa, (2) khả năng trình bày thảo luận và (3) khả năng trả lời câu hỏi từ phía người nghe.
02. Làm bài kiểm tra giữa kỳ	20 %	<p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên làm việc độc lập. • Sinh viên làm tại lớp, được tính thời gian. Đề kiểm tra do giảng viên đưa ra. Bao gồm cả phần lý thuyết và bài tập thực hành. <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giúp sinh viên củng cố lại các kiến thức về kế toán đã được học.
03. Thi hết môn	60%	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên nghiên cứu kỹ các kiến thức đã được học. • Ôn tập cả phần lý thuyết và các dạng bài tập được giao. • Làm bài thi tại giảng đường có tính giờ, đề thi do Bộ môn Kế toán đưa ra. <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích sinh viên chủ động tìm tòi, nghiên cứu và hệ thống hóa lại các kiến thức đã được học. Vận dụng để làm bài thi hết học phần.

10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

Bài tập 1: Bài tập thảo luận / vận dụng ngay tại lớp (vấn đáp / viết bảng)

Mô tả chi tiết

Giảng viên lựa chọn 1/2/3 sinh viên hoặc nhóm sinh viên tùy theo yêu cầu của đề bài.

Trước mỗi buổi học, sinh viên cần:

- (1) Ôn tập kỹ lại các kiến thức đã được học.
- (2) Đọc lại các tài liệu được yêu cầu và ghi chép lại những ý chính của phần được giao
- (3) sẵn sàng trình bày trước lớp về nội dung thảo luận hoặc bài tập vận dụng minh họa cho phần học
- (4) dự đoán một số câu hỏi thêm từ phía giảng viên và bạn cùng lớp học

Trong mỗi giờ học, giáo viên sẽ:

- (1) lựa chọn 1 hoặc nhiều hơn 1 các mục tiêu cần tập trung của giờ học
- (2) gọi một hay hai bạn **bất kỳ** lên trình bày về nội dung của mục tiêu được lựa chọn
- (3) khuyến khích các bạn nhóm khác đặt câu hỏi về mục tiêu cần đạt
- (4) tóm tắt nội dung chính đã được trình bày và chỉnh sửa hiểu nhầm nếu có

(5) nhấn mạnh các nội dung phân bài và các hoạt động nhằm giúp sinh viên hiểu đúng hơn, sâu hơn về nội dung buổi học.

Giáo viên chấm điểm dựa vào tiêu chí chấm và thang đo dưới đây. Nếu nhóm / cá nhân trình bày nhiều hơn 1 lần trong khoá học thì lấy điểm trung bình.

Tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Tiêu chí	Yếu (dưới 5 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Giỏi (9-10 điểm)
(1) Nhận diện được các ý chính của đề bài 10%	Phần trình bày thể hiện việc người học không hiểu nội dung đề bài vì bỏ qua gần hết các ý chính của bài tương ứng với mục tiêu được giao.	Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung đề bài vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài tương ứng với mục tiêu được giao.	Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nhắc tới hầu hết các ý chính trong bài tương ứng với mục tiêu được giao.	Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu rất tốt nội dung đề bài vì người học nhắc tới tất cả các ý chính trong bài tương ứng với mục tiêu được giao.
(2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao 10%	Nội dung không liên quan đến (các) mục tiêu được giao.	Nội dung giúp người học thực hiện hoá được một phần (các) mục tiêu được giao.	Nội dung giúp người học thực hiện hoá được phần lớn (các) mục tiêu được giao.	Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu được giao
(3) Tính rõ ràng 10%	Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết.	Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết.	Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.	Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp.
(4) Kết quả đưa ra (50%)	Kết quả hầu như không chính xác	Kết quả chỉ chính xác 1 phần so với đáp án	Hầu hết kết quả là chính xác, trừ một số lỗi nhỏ	Kết quả chính xác hoàn toàn

(6) Trả lời câu hỏi thêm của giảng viên/khán giả 20%	Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giảng viên.	Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi.	Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi.	Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi.
---	--	--	--	---

Bài tập 2: Bài kiểm tra giữa kỳ (viết bài)

Mô tả chi tiết

Sinh viên làm việc độc lập:

(1) Sinh viên sẽ làm các bài kiểm tra độc lập theo đề của giảng viên đưa ra.

(2) các bài viết này thể hiện các hoạt động học tập sinh viên đã thực hiện và khả năng áp dụng những gì đã được học.

Tiêu chí đánh giá bài viết:

Thang điểm	Nội dung bài viết	Tính mạch lạc và liên kết văn bản	Từ ngữ sử dụng	Hiệu ứng đối với người đọc
9- 10	Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu bài viết Giải quyết được tất cả các câu hỏi với đáp án chính xác.	Áp dụng tốt các kiến thức đã được học vào bài kiểm tra. Trình bày rõ ràng mạch lạc.	Sử dụng chuẩn xác các cụm từ chuyên ngành như tên tài khoản, phương pháp tính toán..	Tạo ấn tượng tốt với người đọc
7- 8	Thực hiện đầy đủ yêu cầu bài viết. Giải quyết hầu hết các câu hỏi và đưa ra đáp án gần chính xác / chính xác gần hết.	Nhìn chung bài có bố cục rõ ràng, liên kết văn bản được chú trọng. Có áp dụng khá tốt kiến thức đã được học vào phần bài tập vận dụng.	Độ chính xác về từ ngữ chuyên ngành cao tuy vẫn có lỗi khi viết.	Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc.
5- 6	Thực hiện các yêu cầu của đề bài còn thiếu sót.	Bài còn có nhiều điểm chưa rõ. Áp dụng các phương pháp còn chưa	Có mắc thêm các lỗi khi viết các cụm từ chuyên ngành. Định	Tạo ấn tượng trung bình đối với người đọc.

	Đáp án đưa ra còn thiếu chính xác.	hợp lý dẫn đến kết quả đưa ra còn có sự sai lệch.	khoản còn sai sót.	
3- 4	Thực hiện chưa đầy đủ yêu cầu đề bài. Thiếu một số yêu cầu cơ bản và nhiều đáp án không chính xác.	Bố cục bài còn chưa rõ ràng, thiếu liên kết.	Nhiều lỗi về từ ngữ chuyên ngành, định khoản thiếu chính xác nhiều câu.	Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc.
1- 2	Bài thiếu ý, ý không phù hợp hoặc do hiểu sai yêu cầu bài viết	Bố cục bài không rõ ràng, khó hiểu.	Sai sót rất nhiều trong từ ngữ, định khoản, lên sổ sách.	Tạo ấn tượng không tốt đối với người đọc.
0	Không đạt được yêu cầu nào.			

Thi kết thúc học phần vào cuối kỳ (thi viết):

Sinh viên làm bài thi độc lập trên giấy, thực hiện các yêu cầu của đề thi.

10.3. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

Tổ trưởng bộ môn

Người soạn Đề cương

PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

TS. Lê Quang Bính

TS. Trần Văn Dung

TS. Trần Văn Dung